

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

VIỆN KINH TẾ VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN HÙNG

**TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ
CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI VÙNG TÂY NGUYÊN**

Chuyên ngành : *Quản lý kinh tế*

Mã số : *62.34.01.01*

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2009

Công trình được hoàn thành tại: **VIỆN KINH TẾ VIỆT NAM**
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học:

- **PGS.TS LÊ XUÂN BÁ**

- **TS NGUYỄN TRỌNG XUÂN**

Phản biện 1: **GS. TS Nguyễn Kế Tuấn**

Phản biện 2: **PGS. TS Quách Đức Pháp**

Phản biện 3: **PGS. TS Đinh Văn Thành**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp nhà
nước họp tại

.....
vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia

- Thư viện Viện Kinh tế Việt Nam

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Hiện trạng và triển vọng thu hút vốn đầu tư ở Kon Tum, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Bộ Kế hoạch Đầu tư, số 3/2004, Trang 29-30.
2. Huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế- xã hội từ khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh và dân cư, Tạp chí Thị trường giá cả, Bộ Tài chính, số 3/2009, trang 27-28
3. Chính sách phát triển miền núi góp phần huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên, Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển, Trường Đại học Tài chính- Marketing, Bộ Tài chính, số 11,12/ 2009, trang 56-58

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tây Nguyên là vùng có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với cả khu vực Đông Dương.

Với đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý, nguồn tài nguyên, Tây Nguyên hội đủ các yếu tố có thể bứt phá vượt lên trong phát triển của cả nước, thế nhưng cho đến nay Tây Nguyên vẫn là vùng nghèo, vùng kém phát triển, vẫn chưa thể phát triển tương xứng với tiềm năng. Có nhiều nguyên nhân lý giải cho thực trạng này, trong đó có vấn đề tương đối nổi bật là thiếu tiền vốn cho đầu tư phát triển.

Với kỳ vọng nghiên cứu một cách có hệ thống từ lý luận đến thực tiễn nhằm hiểu đúng căn nguyên của sự "ách tắc" làm cơ sở cho việc nêu lên một số ý kiến góp phần cải biến hoạt động "khơi thông dòng chảy" để các nguồn vốn đầu tư chảy đến các tỉnh vùng Tây nguyên ngày một nhiều hơn và được sử dụng một cách hiệu quả hơn mà tác giả chọn vấn đề "**TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI VÙNG TÂY NGUYÊN**" làm đề tài nghiên cứu cho luận án của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Nghiên cứu, hệ thống hoá các vấn đề lý luận về huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng.

- Phân tích, đánh giá tình hình huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây nguyên thời gian qua, tìm ra hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp nhằm tăng cường huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây nguyên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu là *những vấn đề liên quan đến huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nguyên.*

3.2 Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Nghiên cứu trên địa bàn vùng Tây nguyên

- Về thời gian : Nghiên cứu kết quả từ năm 2000 đến nay và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đến năm 2020.

- Về nội dung: vốn đầu tư được hiểu là vốn đầu tư cho phát triển, được huy động và đưa vào sử dụng cho quá trình tái sản xuất xã hội.

4. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài việc sử dụng rộng rãi các phương pháp nghiên cứu truyền thống như duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, phương pháp thống kê, phương pháp tổng hợp, phân tích và so sánh; luận án quan tâm sử dụng phương pháp điều tra khảo sát và phương pháp lấy ý kiến chuyên gia.

5. Các đóng góp mới của luận án

(1) Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng; dựa trên các lý thuyết của kinh tế học và khoa học quản lý kinh tế, *chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng.*

(2) Nhận diện đúng thực trạng tình hình huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên; chỉ ra các mặt còn hạn chế cần sớm khắc phục để đẩy mạnh hơn nữa huy động vốn đầu tư. (3) Đề ra phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp huy động vốn đầu tư xuất phát từ chiến lược phát triển mạnh mẽ vùng Tây Nguyên. Chiến lược phát triển Tây Nguyên theo hướng phát triển vượt trước, phát triển có

trọng tâm trọng điểm, tạo ra các "hạt nhân phát triển" dựa vào ưu thế vị trí và tài nguyên riêng có của vùng. (4) Xác định đúng vị trí vai trò của từng nguồn vốn đầu tư trong mối quan hệ với đối tượng đầu tư, trên cơ sở đó lựa chọn, huy động ưu tiên từng nguồn vốn đối với từng lĩnh vực cụ thể cho quá trình phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên.

6. Kết cấu của luận án

Luận án gồm 170 trang không kể phụ lục, 7 bảng biểu, 12 hình vẽ. Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo, luận án gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng.

Chương 2. Thực trạng huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên.

Chương 3. Phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI VÙNG

1.1. Đầu tư, vốn đầu tư, huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội

1.1.1. Đầu tư

Có nhiều quan niệm về đầu tư tùy theo mục đích và góc độ nghiên cứu khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, đầu tư được hiểu là việc sử dụng một khoản tiền vào việc tạo ra hoặc tăng cường cơ sở vật chất cho nền kinh tế nhằm khai thác một cách có hiệu quả các nguồn lực và thu được các kết quả trong tương lai lớn hơn khoản tiền đã bỏ ra để đạt các kết quả đó.

1.1.2. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư là tiền tích lũy của xã hội, của cơ sở sản xuất kinh doanh, tiền tiết kiệm của dân cư và vốn huy động từ các nguồn khác đưa vào sử dụng trong quá trình tái sản xuất xã hội nhằm duy trì và tạo năng lực mới cho nền kinh tế- xã hội.

1.1.3. Huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội

- Sự cần thiết phải tăng cường huy động vốn đầu tư

Huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội là hoạt động nhằm tới việc *khai thác, thu hút các nguồn vốn đưa vào sử dụng trong quá trình đầu tư* nhằm đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của một quốc gia, vùng, địa phương; bao gồm khai thác các nguồn vốn từ tiết kiệm trong nước và thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài.

Tăng cường huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội là hết sức cần thiết bởi một số lý do sau:

Thứ nhất, vốn đầu tư góp phần tăng trưởng kinh tế

Thứ hai, vốn đầu tư góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thứ ba, vốn đầu tư góp phần tăng cường khoa học kỹ thuật và công nghệ

Ngoài ra, huy động vốn đầu tư còn góp phần tạo ra công ăn việc làm, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tăng thu ngân sách.

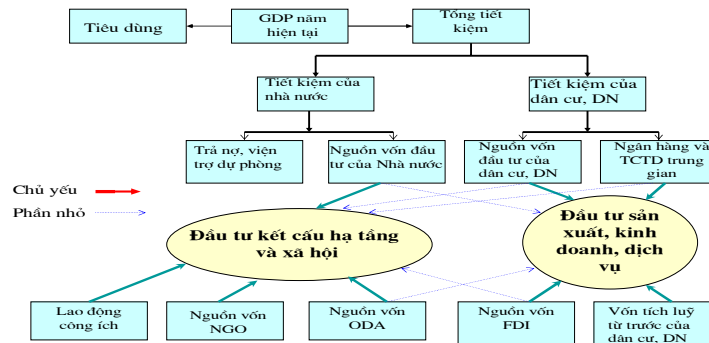
- Nguồn/ kênh huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội

(1) *Nguồn vốn trong nước*: chủ yếu được hình thành từ các nguồn tiết kiệm trong nền kinh tế, bao gồm tiết kiệm của ngân sách Nhà nước, tiết kiệm của doanh nghiệp và tiết kiệm của khu vực dân cư.

(2) *Nguồn vốn nước ngoài*: chủ yếu là vốn ODA, FDI và vốn vay tư nhân.

- Mọi quan hệ giữa nguồn vốn đầu tư được huy động với đối tượng sử dụng vốn đầu tư

Xác định mối quan hệ giữa nguồn vốn đầu tư và đối tượng đầu tư nhằm làm cơ sở để Nhà nước định hướng và hoạch định chính sách huy động vốn đầu tư của toàn xã hội cũng như phân bổ nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, thực hiện chương trình đầu tư công cộng của từng lĩnh vực trên phạm vi nền kinh tế - xã hội. Có thể biểu diễn mối quan hệ này ở hình 1.1.



Hình 1.1. Mối quan hệ giữa nguồn vốn đầu tư và đối tượng đầu tư

1.2. Huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội vùng

1.2.1. Phát triển kinh tế - xã hội vùng

Ngoài những quy luật chung về phát triển kinh tế - xã hội, vùng còn chịu sự chi phối bởi những quy luật riêng về phát triển vùng. Do vậy luận án làm rõ một số nội dung về phát triển kinh tế - xã hội vùng như: khái niệm vùng, vùng kinh tế - xã hội, chính sách đầu tư phát triển vùng, các lý thuyết phát triển vùng để từ đó chỉ ra các nội hàm riêng có và các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội vùng.

Về lý thuyết phát triển vùng, ở phạm vi luận án này chỉ đề cập đến một số lý thuyết có liên quan đến nội dung và có tính chất làm cơ sở cho việc đề ra các giải pháp tăng cường huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng. (1) Lý thuyết tăng trưởng nội sinh của G.B. Fisher và C.Clark nhấn mạnh đến năng lực sản xuất bên trong của vùng. Trong điều kiện nền kinh tế mở, khi vùng không có đủ nguồn lực để đầu tư sẽ được bù đắp từ bên ngoài vùng, mà khả năng thu hút đầu tư từ bên ngoài vùng lại phụ thuộc vào sự hấp dẫn của chính bản thân vùng. (2) Lý thuyết cực phát triển của F. Perroux chú trọng vào những lãnh thổ làm phát sinh sự tăng trưởng kinh tế của lãnh thổ, cho rằng công nghiệp và dịch vụ có vai trò to lớn đối với sự tăng trưởng của vùng; Chính sự tập trung công nghiệp và dịch vụ ở các đô thị- các cực giữ vai trò hạt nhân phát triển...

1.2.2. Huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng

- Huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng là hoạt động nhằm tới việc khai thác, thu hút các nguồn vốn đưa vào sử dụng trong quá trình đầu tư, nhằm đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của vùng *theo chiến lược phát triển vùng, lãnh thổ* và sự phân công lao động xã hội trên phạm vi cả nước.

- Nguồn vốn đầu tư huy động cho phát triển kinh tế- xã hội vùng:

(1) Khai thác nguồn vốn tại chỗ: ngân sách các địa phương trong vùng bao gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, nguồn thu từ tiền chuyển quyền sử dụng đất, tiền bán tài nguyên...; nguồn vốn đầu tư từ khu vực doanh nghiệp và dân cư trong vùng. (2) Thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài vào vùng gồm: Ngân sách trung ương, Vốn tín dụng nhà nước, Vốn

khu vực doanh nghiệp và dân cư ngoài vùng, vốn ODA, vốn FDI.

- Các chỉ tiêu chủ yếu phản ánh việc huy động vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng.

(1) Các chỉ tiêu chủ yếu phản ánh việc huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng: *Tổng vốn đầu tư xã hội trong kỳ; Tỷ lệ vốn thực hiện so với nhu cầu, tốc độ gia tăng vốn đầu tư; Tỷ trọng vốn đầu tư thực hiện của vùng so với cả nước và các vùng khác; Cơ cấu nguồn vốn đầu tư.*

(2) Các chỉ tiêu chủ yếu phản ánh hiệu quả việc sử dụng vốn đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội vùng: Chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn đầu tư (ICOR), biểu hiện tác động của vốn đầu tư đến tăng trưởng kinh tế; Chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành; Chỉ tiêu giải quyết việc làm cho người lao động; Chỉ tiêu tăng kim ngạch xuất khẩu; Chỉ tiêu tăng thu ngân sách; Chỉ tiêu đánh giá tác động của đầu tư đối với việc phát triển kinh tế các vùng khó khăn.

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng

Ngoài các yếu tố như: sự ổn định kinh tế vĩ mô, chính sách tài chính- tiền tệ, tích lũy- tiêu dùng, tiết kiệm- đầu tư, sự phát triển của hệ thống thị trường tài chính... quá trình huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng chịu tác động bởi một số nhân tố chủ yếu sau:

- Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế
- Điều kiện tự nhiên- xã hội của vùng
- Chiến lược phát triển vùng và cơ chế, chính sách đầu tư đối với vùng
- Vai trò của các cấp chính quyền

1.4. Kinh nghiệm về huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng của một số nước

Qua nghiên cứu, luận giải kinh nghiệm của Trung Quốc và một số quốc gia ASEAN trong chiến lược phát triển theo vùng và huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng, Luận án đã rút ra một số nội dung có thể vận dụng vào tình hình cụ thể ở Việt Nam.

Một là, trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, nhất thiết phải lựa chọn được những lãnh thổ hội tụ các yếu tố để phát triển nhanh, đó là các vùng trọng điểm. Cần có các cơ chế chính sách, biện pháp huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội các vùng này đủ mạnh. (1) Tập trung nguồn vốn nhà nước và các nguồn vốn khác để đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật của vùng, đầu tư tạo ra các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao...(2) Nhà nước quan tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực. (3) Tạo ra khả năng cung cấp dịch vụ tốt nhất về thương mại, tài chính, ngân hàng...(4) Sử dụng các công cụ tài chính, tiền tệ để ưu đãi, khuyến khích đầu tư, như: miễn giảm các loại thuế, miễn giảm giá thuê đất và hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ lãi suất tín dụng, hỗ trợ một phần chi phí đầu tư, cho phép tính khấu hao nhanh một số sản phẩm... Qua đó tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn của vùng thu hút vốn đầu tư nước ngoài và các nguồn vốn khác trong nước phát triển kinh tế xã hội của vùng.

Hai là, việc tập trung phát triển vùng động lực, điều tất yếu sẽ dẫn đến chênh lệch phát triển vùng. Do đó, cần có chính sách đặc thù để hỗ trợ cho vùng kém phát triển, nhất là nông thôn miền núi. (1) Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, góp phần khắc phục yếu tố bất lợi của vùng kém phát triển, làm tăng sự hấp

dẫn của môi trường đầu tư. (2) Quan tâm hỗ trợ hạ tầng xã hội, đầu tư cho giáo dục, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ các vấn đề an sinh xã hội... cho nhân dân vùng kém phát triển.

Ba là, các chính sách, biện pháp huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội của từng vùng phải được linh hoạt uyển chuyển cho phù hợp với điều kiện đặc thù của từng vùng.

Bốn là, cần tổ chức mô hình điều phối, quản lý vùng phù hợp. Từ đó thực thi tốt nhất chiến lược phát triển vùng và triển khai các biện pháp huy động vốn đầu tư cho phát triển vùng một cách có hiệu quả nhất.

Tiêu kết chương 1

Trên cơ sở hệ thống hóa, phân tích các học thuyết về kinh tế đầu tư, luận án đã làm rõ khái niệm đầu tư, các loại đầu tư, bản chất của vốn đầu tư; đưa ra khái niệm về vốn đầu tư khá toàn diện, phản ánh được nguồn gốc hình thành và mục đích sử dụng của vốn đầu tư.

Luận án đã luận giải các nội dung và chỉ ra các nhân tố tiêu biểu ảnh hưởng đến huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng, đó là: sự tác động của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội riêng có của vùng; chiến lược phát triển và chính sách đầu tư đối với mỗi vùng; vai trò "tổ chức quản lý điều phối vùng" của chính phủ và sự năng động của các cấp chính quyền địa phương trong vùng. Đồng thời qua nghiên cứu kinh nghiệm của Trung quốc và một số nước Đông Nam Á, rút ra những bài học bổ ích trong quá trình tăng cường huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội các vùng của Việt Nam.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI VÙNG TÂY NGUYÊN

2.1. Các đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội có liên quan đến huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên

Vùng Tây nguyên gồm 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, với diện tích tự nhiên 54.659 km², dân số trên 5 triệu người.

Tây Nguyên là vùng có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với cả khu vực Đông Dương. Phía đông và đông nam Tây Nguyên tiếp giáp và có quan hệ bền chặt về kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái với các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Đông nam bộ là vùng kinh tế phát triển với đặc trưng hệ thống đô thị và cảng biển. Phía Tây tiếp giáp và có quan hệ trực tiếp với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia và các nước Thái Lan, My-an-ma... theo các hành lang Đông Tây nối từ các cảng biển và đô thị lớn của Duyên hải Việt Nam qua Tây Nguyên theo các cửa khẩu Bờ Y (Kon Tum), Lệ Thanh (Gia Lai), BuPrăng (Đắk Nông). Với vị trí địa lý này cho thấy Tây Nguyên đang là vùng có nhiều thuận lợi trong mở rộng giao lưu với nhiều vùng trong nước và hội nhập kinh tế quốc tế với các nước trong khu vực cũng như trên toàn thế giới.

Tây Nguyên là một trong những vùng có tiềm năng phát triển. Có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú như tài nguyên rừng lớn nhất nước, quỹ đất bazan màu mỡ thích hợp cho phát triển nhiều loại cây công nghiệp, tài nguyên khoáng sản có khả năng khai thác và chế biến với quy mô lớn, nguồn thủy năng cho phép phát triển các nhà máy thủy điện lớn...

Với đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý, nguồn tài nguyên, Tây Nguyên hội đủ các yếu tố có thể bứt phá vượt lên như một trọng điểm phát triển của cả nước;

thể nhưng Tây Nguyên vẫn là vùng kém phát triển về kinh tế, các vấn đề xã hội còn nhiều bức xúc, an ninh quốc phòng còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định. Do vậy, cần thiết phải có cách nhìn mới, có chiến lược phát triển mạnh mẽ hơn, có chính sách và giải pháp đồng bộ, linh hoạt hơn trong huy động các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội đối với Tây Nguyên; nhằm đưa Tây Nguyên phát triển *trung xứng với vị thế, tiềm năng của vùng* góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

2.2. Thực trạng huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên

2.2.1. Kết quả huy động vốn đầu tư

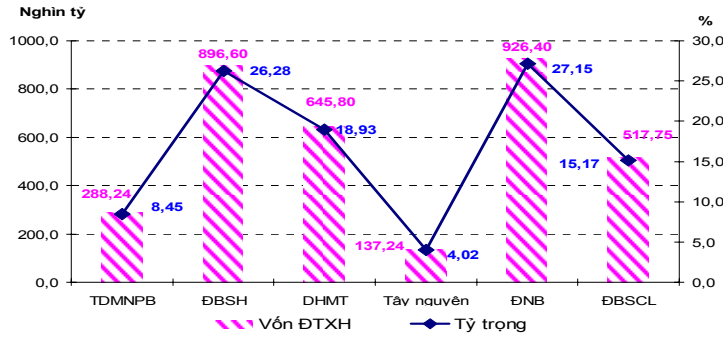
Tổng vốn đầu tư xã hội vào khu vực Tây Nguyên trong thời kỳ 1996-2008 là 137.239 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn đầu tư từ khu vực nhà nước là 87.603 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng chủ yếu với 63,83% và khu vực ngoài nhà nước (kể cả FDI) là 49.636 tỷ đồng, chiếm 36,17%. Cụ thể (theo bảng 2.1).

Bảng 2.1. Vốn đầu tư xã hội vùng Tây Nguyên thời kỳ 1996-2008

Đơn vị tính: tỷ đồng

Năm	1996 -2000	2001 - 2005	200 6	200 7	2008
Tổng vốn đầu tư xã hội	26.90 0	50.70 0	16.30 8	19.61 6	23.71 5
Khu vực nhà n- ước	17.50 0	31.50 0	11.37 9	13.17 7	14.04 7
Khu vực ngoài nhà nước	9.400	19.20 0	4.929	6.439	9.668

Tốc độ tăng vốn đầu tư bình quân giai đoạn 2001-2008 của vùng Tây Nguyên là 14,4%. Tuy vậy thì tỷ trọng vốn đầu tư của vùng Tây Nguyên so với cả nước là rất thấp. Tỷ lệ này giảm dần qua các giai đoạn: 1996-2000 là 4,9%; 2001-2005 là 4,1%; các năm 2006, 2007, 2008 tỷ lệ tương ứng là 4,0%, 3,8%, 3,5%.



Hình 2.1. Vốn đầu tư xã hội theo vùng thời kỳ 1996-2008

2.2.1.1. Huy động vốn đầu tư theo các nguồn vốn

Trong tổng số vốn đầu tư vào Tây Nguyên của cả thời kỳ 2001-2008 thì nguồn vốn NSNN chiếm 33,18%; vốn DNNQD và dân cư chiếm 32,85%; Vốn tín dụng nhà nước chiếm 20,95%; vốn doanh nghiệp nhà nước chiếm 9,40%; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chỉ chiếm 3,62%.

(i) Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước vùng Tây nguyên là 36.613 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách địa phương quản lý là 24.636 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 67,3%, vốn ngân sách trung ương quản lý 11.977 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 32,7%.

(ii) Vốn đầu tư tín dụng nhà nước vào Tây Nguyên đạt 23.113 tỷ đồng bằng 20,9% tổng vốn đầu tư xã hội của vùng.

(iii) Vốn đầu tư doanh nghiệp nhà nước vùng Tây nguyên đạt 10.374 tỷ đồng bằng 9,4% vốn đầu tư xã hội, trong đó DNNN trung ương quản lý chiếm tỷ trọng 48%, DNNN địa phương quản lý 52%.

(iv) Vốn đầu tư doanh nghiệp ngoài nhà nước và dân cư đạt 36.246 tỷ đồng, bằng 32,8% tổng vốn đầu tư xã hội của vùng, xấp xỉ vốn Ngân sách nhà nước.

(v) Vốn FDI vào Tây Nguyên gần 4000 tỷ đồng, chỉ chiếm 3,6% tổng vốn đầu tư xã hội, và chiếm 0,88% so với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của cả nước.

2.2.1.2. Huy động vốn đầu tư cho các ngành kinh tế: Trong giai đoạn 2001-2008 vùng Tây nguyên huy động được 110 ngàn tỷ đồng, trong đó ngành công nghiệp- xây dựng chiếm 34,9%, ngành nông lâm nghiệp chiếm 27,4%, ngành giao thông, thông tin liên lạc 13,5%, ngành giáo dục, y tế, văn hóa xã hội 8,6%, ngành khác 15,6%.

2.2.1.3. Huy động vốn đầu tư chia theo địa phương: Vốn đầu tư xã hội của các địa phương vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2008 từ cao xuống: Gia Lai đạt 32.749 tỷ đồng, (chiếm 29,7%) tương ứng Lâm Đồng là 26.010 tỷ đồng (23,6%); Đắk Lắk là 23.001 tỷ đồng (20,8%); Kon Tum là 14.602 tỷ đồng (13,2%); Đắk Nông là 13.977 tỷ đồng (12,9%).

2.2.2. Thực trạng cơ chế, chính sách có liên quan đến huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên

Ngoài việc được hưởng chính sách chung áp dụng trong cả nước và các cơ chế chính sách của miền núi, vùng cao, vùng khó khăn. Vùng Tây Nguyên còn được hưởng các chính sách theo Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định 168/2001/QĐ-TTg ngày 30/10/2001 "về định hướng dài hạn, kế hoạch 5 năm 2001-2005 và những giải pháp cơ bản phát triển kinh

tế xã hội vùng Tây Nguyên", Quyết định 25/2008/TTg, ngày 05/02/2008 của Thủ Tướng Chính phủ "về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội đối với các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2010". Các chính sách riêng cho vùng Tây Nguyên nhằm vào: (1) củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên. (2) Hỗ trợ đời sống tạo công ăn việc làm. (3) Đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội. (4) Hỗ trợ khuyến khích đầu tư khu vực tư nhân và dân cư. (5) Chính sách hỗ trợ nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước hàng năm cho các địa phương vùng Tây Nguyên thực hiện theo nghị quyết 10.

2.2.3. Tác động của vốn đầu tư đến phát triển kinh tế xã hội của vùng

Vốn đầu tư là một trong những yếu tố quyết định, tác động trực tiếp tới phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên trên các mặt sau: (1) Nền kinh tế xã hội tăng trưởng cao và liên tục, trong 8 năm qua tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm hơn 12%. (2) Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng: Cơ cấu kinh tế năm 2000 là nông lâm nghiệp 62,3%, công nghiệp xây dựng 13,7%, dịch vụ 24,3%; đến năm 2008 tương ứng là 47,2%, 19,1%, 33,6%. (3) Góp phần giải quyết việc làm tăng thêm xấp xỉ 70 vạn lao động. (4) Đưa kim ngạch xuất khẩu toàn vùng đạt xấp xỉ 1,3 tỷ USD. (5) Góp phần vào nâng cao năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh của sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu trong tiến trình hội nhập. (6) Thu ngân sách Nhà nước có mức tăng khá cao, nhịp độ bình quân giai đoạn 2001- 2008 đạt trên 20%, góp phần đáng kể vào cân đối ngân sách trên địa bàn. (7) Góp phần đáng kể vào công cuộc xóa đói giảm nghèo vùng sâu, vùng xa trên địa bàn.

2.2.4. Đánh giá tổng quát

- Những kết quả tích cực: (1) Tổng vốn đầu tư xã hội huy động đưa vào sử dụng cho đầu tư phát triển kinh tế xã hội vùng tăng trưởng cao và liên tục (bình quân 14%/ năm), cơ bản đáp ứng được yêu cầu đề ra. (2) Bên cạnh cơ chế chính sách chung, Chính phủ ban hành nhiều cơ chế chính sách đặc thù cho vùng Tây Nguyên; Các địa phương trong vùng đã năng động, sáng tạo đề ra nhiều biện pháp thu hút các nguồn vốn đầu tư hiệu quả. (3) Kết quả huy động và sử dụng vốn đầu tư đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế- xã hội của vùng.

- Một số hạn chế: (1) Khối lượng và cơ cấu vốn đầu tư chưa đáp ứng với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chưa tương xứng lợi thế của vùng. (2) Tình trạng phân tán đầu tư, cạnh tranh giữa các địa phương trong huy động, thu hút vốn đầu tư làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của vùng. (3) Vốn đầu tư ngân sách nhà nước còn dàn trải, lãng phí; vốn đầu tư doanh nghiệp nhà nước thiếu hiệu quả; vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước và dân cư chậm được khơi thông; đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ. (4) Cơ chế chính sách cho phát triển vùng chưa đủ mạnh để tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn cho vùng Tây Nguyên; mặt khác chính sách xã hội chưa rút ngắn được khoảng cách chênh lệch giữa vùng cao miền núi với vùng khác.

2.3. Kinh nghiệm bước đầu và những vấn đề cần quan tâm đối với huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên

2.3.1. Kinh nghiệm bước đầu

- Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội, nhất là nguồn vốn đầu tư vào kết cấu hạ tầng, hình thành các trọng tâm trọng điểm cho

tùng địa phương và cả vùng; qua đó tạo ra các "hạt nhân phát triển" có sức hấp dẫn thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

- Có nhiều chính sách đặc thù để hỗ trợ cho địa bàn đặc biệt khó khăn nhằm rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa vùng khó khăn với các khu vực phát triển.

- Hoạt động điều phối vùng của Chính phủ thông qua Ban chỉ đạo Tây Nguyên và một số cơ quan của Chính phủ bước đầu đã góp phần thực thi tốt nhất chiến lược phát triển vùng và tăng cường huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội của vùng. Vai trò và sự phối hợp của các cấp chính quyền ngày càng rõ nét và hiệu quả.

2.3.2. Những vấn đề cần quan tâm

- Tây Nguyên có vị trí và các điều kiện tự nhiên khá thuận lợi cho phát triển, có khả năng trở thành vùng kinh tế trọng điểm của đất nước, do vậy cần có *hệ thống cơ chế chính sách đặc thù, các biện pháp mạnh mẽ, linh hoạt huy động các nguồn vốn đầu tư phù hợp, thích ứng với chiến lược phát triển đề ra.*

- Với đặc thù về địa hình, trình độ phát triển và các yếu tố xã hội, hiện nay vùng Tây Nguyên còn nhiều khó khăn, cần quan tâm ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước và ODA đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo các vấn đề về an sinh xã hội .

- Cần quan tâm đến *mối quan hệ liên kết, phối hợp* trong vùng, liên vùng, liên quốc gia, để huy động các nguồn vốn đầu tư cho phát triển, như phối hợp trong Khu vực tam giác phát triển Cam Pu Chia- Lào- Việt Nam, Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng...

Tiểu kết chương 2

Qua phân tích các đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng cho thấy Tây Nguyên có nhiều lợi thế để có thể phát triển "vượt trước", có nhiều yếu tố hấp dẫn

các nhà đầu tư. Thực trạng huy động các nguồn vốn đầu tư vùng Tây Nguyên thời gian qua cũng đã chỉ ra những kết quả, kinh nghiệm bước đầu của việc vận dụng lợi thế so sánh của vùng để tạo ra môi trường hấp dẫn đầu tư; sự nỗ lực của các cấp chính quyền trong nâng cao vị thế và sức cạnh tranh của mỗi địa phương trong thu hút vốn đầu tư.

Tuy nhiên qua các số liệu thực tế, cơ chế chính sách và cách thức vận hành, quản lý của các cấp cho thấy còn nhiều hạn chế, bất cập cần phải được khắc phục. Chương 2 đã phân tích thực trạng và đặt ra một số vấn đề mà chương tiếp theo cần quan tâm để đưa ra những giải pháp hữu hiệu nhằm tăng cường huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên trong thời gian đến.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI VÙNG TÂY NGUYÊN

3.1. Phương hướng và nhiệm vụ huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020

Để xác định phương hướng và nhiệm vụ huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên, trước hết phải định vị được chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của vùng.

3.1.1. Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của vùng Tây Nguyên đến 2020

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã xác định: "Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh, có lợi thế để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp sản xuất hàng hóa lớn kết hợp với công nghiệp chế biến, phát triển công nghiệp năng lượng và công nghiệp khai thác khoáng sản. Xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, *tiên tiến thành vùng kinh tế động lực*".

Chiến lược phát triển vùng Tây Nguyên cần tuân thủ các quan điểm có tính nguyên tắc sau: *Một là*, đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. *Hai là*, phải đảm bảo xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý để khai thác có hiệu quả các tài nguyên. tạo ra chuyên môn hóa ngành trong vùng. *Ba là*, hình thành các cực tăng trưởng, phát triển; tạo ra sự phát triển có trọng tâm, trọng điểm. *Bốn là*, quan tâm phát triển vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Mục tiêu phát triển vùng Tây Nguyên cao hơn, đưa mức GDP bình quân đầu người xấp xỉ cả nước. Phương án phát triển: tốc độ tăng GDP giai đoạn 2011-2015 là 15%, giai đoạn 2016- 2020 là 16%. GDP bình quân đầu người đến 2020 là 2000 USD (ngang bằng cả nước). Chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ, tỷ trọng công nghiệp- xây dựng 40%, dịch vụ 40%, nông lâm nghiệp 20%. (bảng 3.1)

Bảng 3.1. Phương án phát triển vùng Tây Nguyên đến năm 2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

Năm	ĐVT	2010	2015	2020
GDP vùng Tây nguyên (ghh 2005)	Tỷ đồng	47700	96000	201600
- Nông lâm thủy sản	"	19080	28800	40320
- Công nghiệp - xây dựng	"	13356	32640	80640
- Dịch vụ	"	15264	34560	80640
Tốc độ tăng giai đoạn⁽¹⁾	%	12,99	15,01	16,00
- Nông lâm thủy sản	%	7,09	8,58	6,96
- Công nghiệp - xây dựng	%	21,51	19,57	19,83
- Dịch vụ	%	15,86	17,76	18,47
Cơ cấu kinh tế	%	100	100	100
- Nông lâm thủy sản	%	40	30	20
- Công nghiệp - xây dựng	%	28	34	40
- Dịch vụ	%	32	36	40

(1): theo giai đoạn 2006- 2010, 2011- 2015, 2016-2020

3.1.2. Phương hướng và nhiệm vụ huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây nguyên

3.1.2.1. Phương hướng huy động vốn đầu tư:

Tây Nguyên với đặc điểm còn kém phát triển, thu ngân sách không đủ đáp ứng chi thường xuyên, tiết kiệm từ khu vực dân cư và doanh nghiệp trong vùng còn nhỏ bé. Vì vậy để đáp ứng lượng vốn đầu tư cần thiết cho mục tiêu phát triển căn tích cực khai thác các nguồn vốn tại chỗ và tăng cường thu hút các nguồn vốn từ bên ngoài.

Tập trung các nguồn vốn ngân sách nhà nước, ODA để hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, như hệ thống giao thông, mạng lưới điện, cấp thoát nước, bưu chính viễn thông...Ưu tiên vốn tín dụng nhà nước, vốn của các tập đoàn doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp quân đội cho các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào các ngành, sản phẩm chủ lực của vùng, vào các địa bàn tuyến biên giới. Có cơ chế thông thoáng, hấp dẫn thu hút vốn đầu tư FDI, khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh và dân cư.

Huy động, thu hút vốn đầu tư không chỉ nhằm đạt mục tiêu phát triển kinh tế mà quan trọng hơn là tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, do đó: (1) Bên cạnh việc thu hút các dự án lớn đầu tư khu vực trọng tâm, trọng điểm trên địa bàn vùng, cần khuyến khích, hỗ trợ đầu tư đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cả ở đô thị và nông thôn. (2) Khuyến khích, hỗ trợ nhân dân đầu tư phát triển sản xuất, tận dụng khai thác các nguồn tài nguyên tại chỗ. (3) Quan tâm thu hút đầu tư đến vùng, lĩnh vực có hiệu quả bền vững về mặt chính trị xã hội. (4) Giải quyết hợp lý việc tăng cường thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội với đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

3.1.2.2. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư

Bảng 3.2. Nhu cầu vốn đầu tư theo ngành giai đoạn 2006-2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

GIAI ĐOẠN	2006-2010		2011-2015		2016-2020	
	Nhu cầu vốn	Tỷ trợ ng	Nhu cầu vốn	Tỷ trợ ng	Nhu cầu vốn	Tỷ trợ ng
		(%)		(%)		(%)
Vốn ĐTXH	1086 55	100	2462 16	100	5568 00	100
-Nông lâm nghiệp	1936 6	17,8 2	3402 0	13,8 2	4032 0	7,24
- Công nghiệp và xây dựng	4156 5	38,2 5	9642 0	39,1 6	2400 00	43,1 0
- Dịch vụ và kết cấu hạ tầng	4772 4	43,9 2	1157 76	47,0 2	2764 80	49,6 6

Theo kết quả tính toán với phương án chọn, tốc độ phát triển của vùng từ 15- 16% thời kỳ 2011-2020, hệ số ICOR xấp xỉ 5, thì nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội của vùng giai đoạn 2010-2015 khoảng 246 nghìn tỷ đồng, tăng 127% so với giai đoạn 2006-2010; và giai đoạn 2016-2020 khoảng 556 nghìn tỷ đồng, tăng 126% so với giai đoạn 2010-2015. Tổng hợp cả thời kỳ 10 năm 2011-2020 khoảng 800.000 tỷ đồng, tương đương 47 tỷ USD, bình quân mỗi năm cần 4,7 tỷ USD; Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư xã hội theo ngành như bảng 3.2.

3.1.2.3. Nhiệm vụ huy động các nguồn vốn đầu tư:

Với nhu cầu vốn đầu tư khoảng 800.000 tỷ đồng cho thời kỳ 2011-2020, mức bình quân 4,7 tỷ USD/ năm. Dự kiến các nguồn vốn được huy động cụ thể: nguồn

vốn ngân sách Nhà nước chiếm 27%, nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước chiếm 16%, nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước chiếm khoảng 6%, nguồn vốn đầu tư của khu vực DNNgNN và dân cư khoảng 28%, nguồn vốn ODA chiếm khoảng 11- 12 %, nguồn vốn FDI từ 10-11%.

3.2. Những giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây nguyên

3.2.1. Giải pháp về tạo lập môi trường đầu tư an toàn và hấp dẫn

3.2.1.1. Xây dựng môi trường chính trị - xã hội ổn định: (1) Thực hiện chiến lược quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, đảm bảo giữ vững tuyến phòng thủ biên giới phía tây giáp Lào và Campuchia. (2) Thực hiện tốt chính sách dân tộc, đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ. (3) Nâng cao nhận thức đối với nhân dân trong vùng về chính sách chủ trương khuyến khích đầu tư của Nhà nước.

3.2.1.2. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật của vùng, tạo lập các "hạt nhân phát triển" có sức hấp dẫn đầu tư cao.

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật của vùng được xây dựng và hoàn thiện sẽ tạo ra sự thuận lợi cho quá trình huy động, thu hút vốn đầu tư như: hệ thống giao thông, mạng lưới cung cấp điện, nước, viễn thông... Đặc biệt là xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở lãnh thổ có yếu tố vượt trội nhằm tạo lập các "hạt nhân phát triển" có sức hấp dẫn đầu tư cao, bao gồm: các đô thị trọng điểm, các hành lang kinh tế, các tuyến kinh tế biên giới...

- **Hệ thống đô thị** bao gồm các thành phố, thị xã và thị trấn. Các đô thị gắn liền với nó là các khu công nghiệp có vai trò như là những "cực hút và là hạt nhân phát triển", lan tỏa phạm vi ảnh hưởng của mình tới các vùng xung quanh. Hệ thống đô thị toàn vùng Tây Nguyên đến 2020: có 1 đô thị trung tâm của vùng; mỗi tỉnh trong vùng có 1 đô thị trung tâm, đồng thời có từ 2 đến 3 đô thị là trung tâm- hạt nhân phát triển tiểu vùng của tỉnh; các đô thị gắn với khu kinh tế cửa khẩu; các đô thị thị trấn cấp huyện và từng bước phát triển đô thị cấp thị tứ.

- **Phát triển các tuyến hành lang kinh tế.** Hành lang kinh tế sẽ là động lực kích thích sản xuất và xuất khẩu sản phẩm nông lâm nghiệp từ nhiều địa điểm trong nội địa, cả trong vùng Tây Nguyên, duyên hải miền Trung và các nước phía tây; qua đó thúc đẩy sự thu hút các dự án đầu tư phát triển của các ngành công nghiệp chế biến. Trên cơ sở lựa chọn yếu tố vượt trội của các trục giao thông hình thành nên các tuyến hành lang kinh tế, tập trung phát triển 3 tuyến hành lang chính, theo trục Đông- Tây, núi- biên: (1) *Tuyến hành lang kinh tế đường 19 nối Thành phố Quy Nhơn- Plei Ku- Cam Pu Chia qua cửa khẩu Lệ Thanh*. (2) *Tuyến hành lang kinh tế đường 24 nối Thành phố Quảng Ngãi- Kon Tum- Lào qua cửa khẩu quốc tế Bờ- Y*. (3) *Tuyến hành lang kinh tế đường 28 là tuyến nối dài Phan Thiết- Đà Lạt- Gia Nghĩa- Cam Pu Chia qua cửa khẩu Bu Prăng*.

Bên cạnh đó cần tiếp tục phát huy các tuyến đã hình thành như tuyến 25, 20, 26, tuyến đường Hồ Chí Minh. Đặc biệt là quan tâm 2 tuyến mới là tuyến đường Đông Trường Sơn và quốc lộ 14c dọc theo biên giới.

- **Phát triển tuyến kinh tế biên giới:** Phát huy các khu kinh tế cửa khẩu quốc tế: (1) Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, (2) khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, (3) khu kinh tế cửa khẩu Bu Prăng và hệ thống cửa khẩu quốc gia. Đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, kinh doanh qua hệ thống cửa khẩu đường biên. Hình thành các khu kinh tế- quốc phòng ở những khu vực trọng yếu, dọc tuyến biên giới.

3.2.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách, biện pháp huy động các nguồn vốn đầu tư

3.2.2.1. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước

Thứ nhất, Chính phủ cần tăng cường hỗ trợ đầu tư từ vốn ngân sách trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia và tăng mức trợ cấp xây dựng cơ bản cho ngân sách địa phương, nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu của vùng và hỗ trợ sản xuất và đời sống nhân dân các dân tộc trong vùng.

Kiến nghị nghiên cứu phương thức huy động vốn đầu tư đặc biệt cho vùng, như "Phát hành trái phiếu chính phủ phát triển Tây Nguyên", thể hiện quan điểm "cả nước vì Tây Nguyên" bên cạnh nội dung "Tây Nguyên vì cả nước".

Thứ hai, các địa phương tích cực chống thất thu ngân sách, thực hành tiết kiệm chi thường xuyên, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư góp phần bổ sung nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước.

Thứ ba, ngân sách các địa phương mạnh dạn vay nợ bổ sung nguồn vốn đầu tư. Đẩy mạnh thực hiện đầu tư hạ tầng theo hình thức BT, BTO, BOT.

Thứ tư, hình thành Quỹ đầu tư phát triển địa phương của các tỉnh trong vùng từ các nguồn: vốn ban đầu của ngân sách tỉnh, khoản vượt thu ngân sách, tiền thu được từ khai thác quỹ đất, chênh lệch do giao đất theo

hình thức đấu giá, nguồn thu từ bán tài sản và các nguồn khác.

Thứ năm, thực hiện xã hội hóa trong đầu tư phát triển các lĩnh vực xã hội và đầu tư hạ tầng đô thị và nông thôn.

3.2.2.2. Nguồn vốn ODA

- Các địa phương cần chủ động quy hoạch, lập dự án kêu gọi trong chương trình ODA chung của chính phủ, chủ động phối hợp Bộ, ngành trung ương trong đăng ký, đàm phán ODA với các nhà tài trợ. Tổ chức thực hiện tốt vấn đề hài hòa thủ tục ODA giữa quy định của chính phủ Việt nam và các tổ chức tài trợ nhằm rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, kế hoạch, kết quả đấu thầu.

- Phân cấp mạnh hơn nguồn vốn ODA cho địa phương quản lý. Có cơ chế để các địa phương trong vùng trực tiếp vay và hoàn vốn đối với các khoản ODA hoàn lại của các loại công trình phục vụ công cộng có thu phí (đường giao thông, cấp nước ...) và các dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả đang được các nhà tài trợ quan tâm.

3.2.2.3. Đối với nguồn vốn đầu tư doanh nghiệp nhà nước. Khuyến khích, hỗ trợ các tổng công ty nhà nước triển khai đầu tư các dự án lớn trên địa bàn Tây Nguyên mà các thành phần kinh tế khác chưa vươn tới. Khuyến khích các DNNN, đặc biệt các doanh nghiệp quân đội triển khai các dự án trong vùng dân tộc, vùng biên giới....

3.2.2.4. Đối với nguồn vốn đầu tư doanh nghiệp ngoài quốc doanh và dân cư. Các địa phương cần vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách chung đồng thời rà soát, điều chỉnh, đề ra các biện pháp vận dụng chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đối với mọi loại hình doanh nghiệp trên địa bàn, kể cả trong và

ngoài nước theo hướng tích cực hơn, với liều lượng mạnh hơn, nhưng không trái với chính sách ưu đãi đầu tư chung của cả nước. Cụ thể như sau: (1) giá thuê đất, thời gian miễn và giảm tiền thuê đất, ở khung thấp nhất theo quy định của Chính phủ; (2) hỗ trợ tiền đền bù khi thu hồi đất, hỗ trợ một phần vốn đầu tư đến hàng rào doanh nghiệp đối với dự án nằm ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế; (3) hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động tại địa phương do doanh nghiệp tuyển dụng; (4) hỗ trợ kinh phí chuyển giao công nghệ đối với các dự án quan trọng; (5) hỗ trợ tiếp cận các nguồn tín dụng...

Các chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư theo hướng không phân biệt đầu tư trong nước hay đầu tư nước ngoài.

3.2.3. Giải pháp về nâng cao năng lực của các cấp chính quyền

Sự nỗ lực chủ quan từ hệ thống cơ quan hành chính nhà nước có tác động rất lớn đến hoạt động huy động, thu hút vốn đầu tư, trong nhiều trường hợp có tính vượt trội hơn cả chính sách ưu đãi, những hỗ trợ cụ thể hay cơ sở hạ tầng hiện đại.

3.2.3.1. Nâng cao ý thức trách nhiệm của các nhà lãnh đạo địa phương và hệ thống cơ quan thừa hành; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

- Nhất quán trong tư tưởng và hành động về quan điểm huy động vốn đầu tư, khuyến khích ưu đãi đầu tư; xem đây là trách nhiệm của mọi cán bộ lãnh đạo, nhân viên các ngành các cấp.

- Nâng cao năng lực, thái độ làm việc của cán bộ, cơ quan thừa hành. Xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ đủ năng lực giải quyết các công việc cụ thể có liên quan đến huy động, thu hút vốn đầu tư.

- Cải cách triệt để thủ tục hành chính, tạo môi trường minh bạch, lành mạnh, an toàn trong đầu tư.

3.2.3.2. Chú trọng công tác xây dựng các loại quy hoạch, quản lý điều hành theo quy hoạch trong quá trình huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Đẩy nhanh việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội vùng, ngành, địa phương trong vùng. *Trong quy hoạch vùng phải xác lập cho được danh mục đầu tư chủ yếu của toàn vùng. Danh mục dự án này là ưu tiên hàng đầu trong quá trình chỉ đạo của các cấp chính quyền, bộ ngành đối với quá trình huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội của vùng và các địa phương.*

- Nhanh chóng hoàn thành công tác quy hoạch sử dụng đất đai. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể sử dụng đất đến năm 2020 trên phạm vi các tỉnh, và toàn vùng, đồng thời tiến hành chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch. Bên cạnh đó làm tốt việc công khai quy hoạch, đặc biệt là phải quản lý chặt chẽ và tạo điều kiện thu hút đầu tư theo quy hoạch.

3.2.3.3. Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác về đặc điểm kinh tế xã hội, điều kiện tự nhiên, tiềm năng tài nguyên, các danh mục dự án kêu gọi đầu tư, các chính sách ưu đãi đầu tư và công bố rộng rãi cho các nhà đầu tư tìm hiểu về cơ hội đầu tư vào các tỉnh vùng Tây Nguyên. Sử dụng các phương tiện quảng bá thông tin như: Website, CDROM, báo chí, tờ gấp....

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, hội thảo, hội chợ, triển lãm.

- Thiết lập quan hệ với các hiệp hội doanh nghiệp, câu lạc bộ doanh nghiệp, phòng thương mại công nghiệp, các trung tâm xúc tiến đầu tư ở các Bộ ngành và các tổ chức hợp tác thương mại đầu tư, các cơ quan ngoại giao nước ngoài ở Việt Nam, các thương vụ sứ quán Việt Nam ở nước ngoài.

- Thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư vùng Tây Nguyên nhằm chủ động xúc tiến đầu tư cho vùng và phối hợp hỗ trợ đối với các trung tâm xúc tiến đầu tư của các địa phương.

- Bố trí bộ phận xúc tiến và hỗ trợ đầu tư gắn với bộ phận đăng ký kinh doanh trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

3.2.3.4. Quản lý vùng và mối quan hệ phối hợp giữa các ngành các cấp.

Để quản lý tốt đồng thời hạn chế xung đột, cạnh tranh giữa các địa phương làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung của vùng đòi hỏi phải có sự quản lý điều phối của Chính Phủ thông qua "cơ quan có thẩm quyền cấp vùng". Cơ quan này là đầu mối phối hợp các bộ, ngành trung ương giúp Chính phủ *định hướng chiến lược phát triển, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội, quản lý thực hiện đầu tư theo quy hoạch, phối hợp vận động xúc tiến đầu tư cho cả vùng.*

3.2.4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực: Thứ nhất, thực hiện tiếp nhận dân cư theo các chương trình, dự án, hạn chế dân di cư tự do. Thứ hai, ban hành chính sách cụ thể hỗ trợ đào tạo công nhân lao động cho các dự án đầu tư. Thứ ba, có chính sách đầu tư các trường đại học công lập, các viện nghiên cứu khoa học cấp vùng; khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, dạy nghề tại các địa phương trong vùng. Thứ

tu, có chính sách cụ thể thu hút đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia kỹ thuật giỏi về làm việc tại các địa phương trong vùng.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã xác định chiến lược phát triển dài hạn vùng Tây Nguyên, với các quan điểm và mục tiêu phát triển khả triển vọng. Căn cứ vào phương án phát triển, đặc điểm của vùng, đối chiếu với cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế, chỉ ra phương hướng và nhiệm vụ huy động vốn đầu tư. Từ đó đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên, đó là: tạo lập môi trường đầu tư an toàn và hấp dẫn; cơ chế chính sách đặc thù để huy động từng nguồn vốn đầu tư; nâng cao năng lực của các cấp chính quyền và quan tâm phát triển nguồn nhân lực.

KẾT LUẬN

Trong nhiều nguồn lực tác động đến sự phát triển kinh tế- xã hội của một quốc gia, vùng, địa phương, thì vốn đầu tư giữ vai trò hết sức quan trọng.

Đối với một vùng kinh tế cụ thể thì vốn đầu tư và trình độ phát triển có mối quan hệ mật thiết và chi phối lẫn nhau. Huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố, trong đó có các nhân tố tiêu biểu như: (1) sự tác động của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của quốc gia; (2) vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội riêng có của vùng; (3) chiến lược phát triển và chính sách đầu tư đối với mỗi vùng; (4) vai trò "tổ chức quản lý điều phối vùng" của chính phủ và sự năng động của các cấp chính quyền địa phương trong vùng.

Đối với Tây Nguyên, huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả, góp phần đưa nền kinh tế- xã hội vùng

phát triển với tốc độ nhanh và liên tục trong nhiều năm. Tuy vậy, vẫn còn một số hạn chế đó là: (1) khối lượng và cơ cấu vốn đầu tư chưa đáp ứng với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chưa tương xứng với tiềm năng về đất đai, tài nguyên và lợi thế của vùng; (2) tình hình huy động vốn đầu tư chưa bám sát vào quy hoạch, còn tình trạng phân tán, "cát cứ hành chính" trong đầu tư; (3) vốn đầu tư ngân sách nhà nước còn dàn trải, lãng phí; vốn đầu tư doanh nghiệp nhà nước thiếu hiệu quả, còn nhiều dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước thua lỗ; vốn đầu tư khu vực NQD và dân cư nhỏ bé, chậm được khơi thông; đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ, triển khai chậm.

Huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên thời gian đến cần quan tâm đến một số yếu tố đặc thù của vùng sau: *Một là*, Tây Nguyên có vị trí và các điều kiện tự nhiên khá thuận lợi cho phát triển kinh tế. *Hai là*, với đặc thù về địa hình và các yếu tố xã hội, hiện nay một số địa bàn trong vùng Tây Nguyên còn nhiều khó khăn, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa. *Ba là*, với yếu tố địa lý gắn chặt vùng Tây Nguyên với các vùng và các quốc gia trong khu vực, do vậy cần quan tâm đến *mối quan hệ liên kết, phối hợp* trong vùng, liên vùng, liên quốc gia.

Để tăng cường huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên, cần phải: (1) Tạo lập nên môi trường an toàn và hấp dẫn đầu tư. Tây Nguyên phải được đảm bảo giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định môi trường chính trị xã hội để nhà đầu tư có cảm giác an toàn, thân thiện và yên tâm khi bỏ vốn vào đầu tư. (2) Có cơ chế, chính sách đặc thù và các biện pháp linh hoạt cho Tây Nguyên để huy động các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội.

Tập trung nguồn vốn ngân sách nhà nước, ODA hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật nhất là các "trọng điểm phát triển" và đầu tư hỗ trợ vùng đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường nguồn vốn tín dụng đầu tư cho các dự án thuộc diện ưu đãi đầu tư, đối ứng các dự án thu hút FDI, ODA. Nhà nước điều phối mạnh hơn nguồn ODA cho vùng, nhất là vào các dự án có tính chất xúc tác thu hút FDI và thúc đẩy đầu tư tư nhân. Phát hành trái phiếu chính phủ "phát triển Tây Nguyên" nhằm chủ động hơn nguồn vốn đầu tư. Điều chỉnh Luật đầu tư, đưa vùng Tây Nguyên vào địa bàn đặc biệt ưu đãi đầu tư. (3) Nâng cao năng lực của các cấp chính quyền, chủ yếu tập trung vào các nội dung: *một là* nâng cao chất lượng công tác quy hoạch vùng và quản lý điều hành theo quy hoạch, *hai là* tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, *ba là* đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, *bốn là* đổi mới quản lý vùng và tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các ngành các cấp. (4) Phát triển nguồn nhân lực theo hướng tăng quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân cư và người lao động. Đảm bảo tỷ lệ lao động qua đào tạo được nâng lên đủ sức đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho các dự án đầu tư trong vùng.

Một số kiến nghị:

(1) Với định hướng là vùng kinh tế động lực, cần xây dựng chiến lược dài hạn (2050) phát triển Tây Nguyên. (2) Trên quan điểm phát triển vùng, cần nghiên cứu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ Ban chỉ đạo Tây Nguyên cho phù hợp với vai trò là "cơ quan quản lý điều phối vùng" của chính phủ tại Tây Nguyên. Trước mắt đề nghị thành lập *Ban điều hành các quan hệ phối hợp vùng* (thành viên kiêm nhiệm) bên cạnh Ban chỉ đạo để điều phối các quan hệ công

việc có tính chất toàn vùng; thành lập *vụ quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch vùng, Trung tâm xúc tiến đầu tư vùng Tây Nguyên* trực thuộc Ban Chỉ đạo Tây Nguyên.

(3) Nghiên cứu hình thực huy động vốn đặc thù "trái phiếu chính phủ phát triển Tây Nguyên", thời hạn 10 đến 20 năm. Có như vậy mới chủ động nguồn vốn hỗ trợ cho Tây Nguyên "cắt cánh" và phát triển cùng cả nước.
